TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T H1** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: **08**/2019/HS-ST
Ngày: 31-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H1, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Vân Anh**
Các Hội thẩm nhân dân : **Ông Bùi Quang Luyết**
Bà Phan Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đào Thị Thúy**-Là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T H1 tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Mai-Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T H1, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 232/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/HSST-QĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 đối với:

Bị cáo Trần Lê H, sinh năm 1976; HKTT: Số 59, D577, tổ 47C, cụm 7, phường P T, quận T H1, Thành phố HN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn C và bà Lê Thị L; Vợ Nguyễn Thị H; Con: Có 01 con sinh năm 2015; Danh chỉ bản số 330 do công an quận T H1 lập ngày 03/10/2018;Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án chưa được xóa án tích: Bản án số 56/2017/HSST ngày 22/11/2017, Tòa án nhân dân (TAND) huyện Thanh Thủy, tỉnh P Thọ xử phạt 7,6 năm (bảy năm sáu tháng) tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang-Bộ Công an, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Chị Nguyễn Thị H1ng N, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn 12, xã Mỹ B, huyện Y, tỉnh T, xin vắng mặt.

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn ĐH, xã ĐH1, huyện S, Thành phố HN, xin vắng mặt.

- **Anh Trần Thiên L,** sinh năm 1956; Trú tại: Số 23, hẻm 295/75, Ngõ Q, phố T, phường QL, quận HBT, TP HN, xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H1 sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ xã hội Trần Lê H quen biết chị Nguyễn Thị H1ng N. Quá trình quen biết H tự giới thiệu mình quen nhiều người làm trong Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, có khả năng xin việc vào đó. Do chị N có nhu cầu xin việc nên đã đặt vấn đề nhờ H xin vào làm việc tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. H đồng ý và nói với chị N giá để xin việc khoảng 200.000.000đồng. Tin tưởng H có khả năng xin được việc làm cho mình nên từ ngày 21/4/2017 đến ngày 23/5/2017

chị N đã nhiều lần giao tiền cho H tại phòng trọ của chị N tại số 12, ngách 38/58/14, tổ 36, cụm 5, XL, T H1, Hà Nội: Lần thứ nhất ngày 21/4/2017, H nhận của chị N số tiền 21.000.000đồng cùng 01 bộ H1 sơ xin việc. Lần thứ hai ngày 26/4/2017, số tiền 20.000.000đồng. Lần thứ 3 ngày 06/5/2017, số tiền 30.000.000đồng. Lần thứ tư ngày 13/5/ 2017, số tiền 47.000.000đồng. Lần thứ năm ngày 23/5/2017, số tiền 20.000.000đồng. Các lần nhận tiền của chị N, H đều viết và ký tên vào một bản cam kết. Ngoài ra, H còn nhận thêm của chị N 8.000.000đồng, H không viết vào giấy biên nhận. Tổng số tiền H đã nhận của chị N là 146.000.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Thông qua mối quan hệ xã hội, chị N có quen với anh Trần Văn T. Trong thời gian nhờ H xin việc, tháng 5/2017 chị N có nói chuyện với anh T về việc H nói có khả năng xin việc, chị N đang nhờ H xin việc cho mình. Anh T đang có nhu cầu xin việc cho em trai là Trần Quốc Thịnh (sinh năm 1998; Trú tại: Thôn Đức Hậu, xã Đức Hòa, huyện Sóc Sơn, Hà Nội) nên đã đặt vấn đề với H, nhờ H xin việc cho anh Thịnh. H đồng ý và hứa sẽ xin việc cho anh Thịnh vào bán vé máy bay tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. H nói giá để xin việc là 30.000.000đồng, anh T đồng ý, ngày 07/6/2017 anh T đã giao cho H 18.500.000đồng tại khu vực gần nhà H (quận T H1, Hà Nội) để xin việc cho anh Thịnh, quá trình nhận tiền H có viết một bản cam kết cho anh T.

Tương tự như trên, khoảng đầu tháng 4/2017 qua quen biết xã hội H quen anh Trần Thiên L. Quá trình quen biết, H giới thiệu với anh L là có khả năng xin việc cho mọi người vào các vị khác nhau tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Anh L có nhu cầu xin việc cho anh Vương Phi H (sinh năm 1990; Trú tại: Tổ 5, phường Tân Định, TP HB tỉnh HB) nên đã đặt vấn đề nhờ H xin cho anh Hùng vào làm lái xe trong Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. H đồng ý và nói giá để xin việc là 30.000.000đồng. Ngày 16/4/2017 anh L đã giao cho H 30.000.000đồng cùng bộ H1 sơ xin việc tại nhà riêng của H (số 59, D577, tổ 47C cụm 7, phường P T, quận T H1, Hà Nội), quá trình nhận tiền H có viết một bản cam kết cho anh L.

Sau khi chiếm đoạt được tiền của chị N, anh T, anh L thì H không làm bất cứ việc gì mà đã dùng toàn bộ tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 26,27/02/2018 chị N, anh T, anh L có đơn trình báo tại Cơ quan điều tra Công an quận T H1 về việc bị H chiếm đoạt tiền như trên.

Ngày 11/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận T H1 đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Trần Lê H tại các bản cam kết, thỏa thuận đối với các bị hại tại Viện khoa học hình sự - Bộ công an.

Ngày 20/07/2018, Viện khoa học hình sự - Bộ công an đã có kết luận giám định số 2512/C54-P5 kết luận: chữ ký chữ viết của Trần Lê H so với các mẫu gửi giám định là do cùng một người viết và ký ra.

Về phần dân sự: Chị N yêu cầu H bồi thường số tiền 146.000.000đồng, anh T yêu cầu H bồi thường số tiền 18.500.000đồng, anh L yêu cầu H bồi thường số tiền 30.000.000đồng.

Bản cáo trạng số 205/CT-VKS ngày 14/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) quận T H1 đã truy tố Trần Lê H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện VKS luận tội: Sau khi phân tích tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 56 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Trần Lê H từ 5,6(năm năm sáu tháng) đến 06 (sáu) năm tù, tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án số 56/2017/HSST ngày 22/11/2017 của TAND huyện Thanh Thủy, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị N số tiền 146.000.000đồng; cho anh T số tiền 18.500.000đồng; cho anh L số tiền 30.000.000đồng. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, bị cáo còn có con nhỏ, bố mẹ già, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H1 sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an quận T H1, Điều tra viên, VKSND quận T H1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác có trong H1 sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2017 đến tháng 6/2017, mặc dù không có chức năng trong việc tuyển dụng nhân viên vào làm việc tại cảng Hàng không quốc tế Nội Bài nH Trần Lê H đã bằng thủ đoạn gian dối, tự giới thiệu và hứa hẹn nhận xin việc cho chị Nguyễn Thị H1ng N, anh Trần Quốc Thịnh (là em trai anh Trần Văn T), anh Vương Phi Hùng (con rể anh Trần Thiên L) vào làm việc tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Qua đó H đã nhận của chị N số tiền 146.000.000đồng, của anh T số tiền 18.500.000đồng, của anh L số tiền 30.000.000đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 194.500.000đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền của chị N, anh T, anh L bị cáo không làm bất cứ việc gì vào việc xin việc cho chị N, anh Hùng, anh Thịnh mà đã dùng toàn bộ tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 như luận tội của đại diện Viện kiểm sát là đúng.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong khu vực, mất lòng tin trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nH vẫn cố tình thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý, mục đích tư lợi. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử và áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy: Toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt đến nay chưa khắc phục trả lại được cho các bị hại, bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, ngày 22/11/2017 TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh P Thọ xử phạt 7,6 năm (bảy năm sáu tháng) tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên xét hành vi của bị cáo phạm tội lần này xảy ra cùng thời điểm bị cáo đã bị truy tố, xét xử ngày 22/11/2017. Do CQCSĐT, Công an huyện Thanh Thủy đã tách rút tài liệu để điều tra, xử lý sau vì vậy bị cáo phạm tội lần này không thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự thì ngoài lần phải chấp hành hình phạt đối với hành vi phạm tội lần này thì buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước theo quy định của pháp luật.

Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt: Trong đó của chị N là 146.000.000đồng, của anh T là 18.500.000đồng, của anh L là 30.000.000đồng.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Lê H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 331, 333, 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 584,585,586,589 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Trần Lê H 05(năm) năm tù. Tổng hợp hình phạt này với hình phạt 07 năm 06 tháng (bảy năm sáu tháng) tù của bản án số 56/2017/HSST ngày 22/11/2017 của TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh P Thọ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 năm 06 tháng (mười hai năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Trần Lê H có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1ng N số tiền 146.000.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

- Buộc bị cáo Trần Lê H có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 18.500.000đ (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Trần Lê H có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Thiên L số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ(hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 9.725.000đ (chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND quận T H1;*
- *CCTHADS quận T H1;*
- *CA quận T H1;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS/VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Vân Anh

THÀNH VI□N H□I □□NG X□T X□ THỘM PH□N- CH□ T□A PHI□N T□A